TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/3/2023
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 490/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13ª/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thủy C., sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đình T., sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Thôn L, xã Q, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc được một thời gian ngắn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 11/2022 chị Nguyễn Thị Thủy C. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình T..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy C. trình bày: Nguyên nhân chị muốn xin ly hôn là do quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 3/2013 chị đưa con về nhà ngoại sống tại Thôn P, xã Đ, huyện S, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình T..

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Đình Q., sinh ngày 08/11/2012, cháu hiện đang ở cùng chị C.. Chị C. có quan điểm sau khi ly hôn được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Hoàng Đình Q. có trong hồ sơ thể hiện cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Hoàng Đình T. có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Đình T. và chị Nguyễn Thị Thủy C. kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn L, xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hay phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Chị C. đưa con về nhà ngoại ở xã Đ, huyện S. sống và học tập. Anh T. đi làm ăn xa, thi thoảng vẫn về nhà tại thôn L, xã Q. Khi đi làm anh T. không báo chính quyền địa phương nên địa phương không xác định được địa chỉ hiện tại của anh T..

Anh Hoàng Đình T. hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh T. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, có phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Thủy C. được ly hôn với anh Hoàng Đình T; về con chung: giao cháu là Hoàng Đình Q., sinh ngày 08/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Thủy C. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Thủy C. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình T. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Hoàng Đình T. có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh T. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T. nhưng anh T. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy C. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Hoàng Đình T. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân, anh T. không có mặt ở địa phương. Tháng 11/2022 chị C. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình T..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. bình thường, không hạnh phúc, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Thủy C. được ly hôn với anh Hoàng Đình T..

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. có 01 con chung là cháu Hoàng Đình Q., sinh ngày 08/11/2012. Xét thấy, cháu Hoàng Đình Q. là con chung của chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Hiện tại, anh T. đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, cháu Hoàng Đình Q. có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị C. có quan điểm nhận nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần

giao cháu Hoàng Đình Q., sinh ngày 08/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Thủy C. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng Đình T. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị C. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thủy C. và anh Hoàng Đình T. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy C. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thủy C. được ly hôn với anh Hoàng Đình T..

2. Về con chung: Giao cháu là Hoàng Đình Q., sinh ngày 08/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Thủy C. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Đình T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy C. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002434 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn Thị Thủy C. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến